

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Số: 17.526/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 12 năm 2017 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



Nguyễn Thụy Nhã Vy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1875-2016-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/10/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.288.390.001	135.510.488.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.109.332.972	8.901.447.120
1. Tiền	111	4.1	7.109.332.972	8.901.447.120
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.996.714.548	39.079.947.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	42.975.280.207	39.365.465.643
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	17.785.807.074	688.974.341
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		537.607.051	467.727.319
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.301.979.784)	(1.442.219.383)
III. Hàng tồn kho	140		68.560.780.277	80.636.671.121
1. Hàng tồn kho	141	4.5	68.560.780.277	80.636.671.121
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.621.562.204	6.892.422.473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	2.238.144.452	1.908.922.919
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	10.792.491.052	4.392.572.854
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	590.926.700	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.873.281.918	26.106.948.342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.840.000	448.840.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		448.840.000	448.840.000
II. Tài sản cố định	220		23.456.653.273	24.636.979.198
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	23.271.639.015	21.260.355.199
Nguyên giá	222		55.030.006.831	45.058.691.472
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.758.367.816)	(23.798.336.273)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	3.141.820.361
Nguyên giá	225		-	5.220.995.661
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2.079.175.300)
3. Tài sản cố định vô hình	227		185.014.258	234.803.638
Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(213.300.742)	(163.511.362)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.545.034.963	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	5.545.034.963	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		422.753.682	1.021.129.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	422.753.682	1.021.129.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		179.161.671.919	161.617.436.976

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/10/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		116.628.507.871	104.586.769.759
I. Nợ ngắn hạn	310		107.210.593.193	103.619.467.085
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	39.827.639.917	37.025.682.381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		749.975.139	1.232.134.473
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.937.221.523	3.025.915.351
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		580.175.944	575.143.369
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	64.115.580.670	61.591.882.494
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	168.709.017
II. Nợ dài hạn	330		9.417.914.678	967.302.674
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	9.417.914.678	967.302.674
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.533.164.048	57.030.667.217
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	62.533.164.048	57.030.667.217
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	49.501.710.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	49.501.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.356.558.615	1.356.558.615
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.743.169.613	6.048.192.782
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		540.672.782	270.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.202.496.831	6.047.922.782
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		179.161.671.919	161.617.436.976



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế Toán Trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	467.403.183.489	454.435.110.743
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32.939.773	1.345.588.133
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		467.370.243.716	453.089.522.610
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	425.904.320.572	408.930.585.853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.465.923.144	44.158.936.757
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.229.728.682	1.256.876.276
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.297.415.470	7.250.280.438
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.301.342.122	6.210.106.199
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	17.499.433.340	19.045.414.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	10.783.717.576	10.322.022.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.115.085.440	8.798.095.749
11. Thu nhập khác	31		158.124.729	236.788.033
12. Chi phí khác	32		1.352.835	33.485.215
13. Lợi nhuận khác	40		156.771.894	203.302.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.271.857.334	9.001.398.567
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.979.835.480	2.953.475.785
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.292.021.854	6.047.922.782
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.12.4	1.057	1.011



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế Toán Trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.271.857.334	9.001.398.567
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	7.016.510.557	6.901.238.040
Các khoản dự phòng	03		(140.239.599)	407.926.385
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(202.183.041)	(128.870.713)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.003.583)	(11.084.331)
Chi phí lãi vay	06	5.4	5.301.342.122	6.210.106.199
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		20.238.283.790	22.380.714.147
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.176.445.227)	6.095.415.981
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.075.890.844	7.228.490.412
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.570.659.542	(5.017.486.531)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		269.153.929	414.977.619
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.301.342.122)	(6.210.106.199)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.190.605.690)	(2.389.267.251)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(958.234.040)	(382.095.193)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.472.638.975)	22.120.642.985
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.381.219.595)	(3.324.738.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	363.636.364
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	9.003.583	9.497.027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.372.216.012)	(2.951.605.409)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	320.809.208.239	306.289.817.740
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(309.834.898.059)	(318.439.975.775)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(3.239.934.226)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.974.310.180	(15.390.092.261)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.870.544.807)	3.778.945.315
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.901.447.120	5.081.011.375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		78.430.659	41.490.430
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	7.109.332.972	8.901.447.120



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế Toán Trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 01 tháng 08 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 264 (30 tháng 09 năm 2016 là: 264 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 09 năm sau.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí mua nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí lương tháng 13. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty và được Đại hội cổ đông thông qua.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Bán trong nước: 10%;
- Xuất khẩu: 0%;

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/10/2016 VND
Tiền mặt	734.631.845	770.661.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.374.701.127	8.130.785.493
Cộng	7.109.332.972	8.901.447.120

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/10/2016 VND
Harbor Freight Tools	10.430.894.880	7.642.096.628
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	4.404.283.067	4.551.424.978
Các khách hàng khác	28.140.102.260	26.571.944.037
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	-	600.000.000
Cộng	42.975.280.207	39.365.465.643

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/10/2016 VND
Công ty Cổ phần Phú An Thạnh	14.832.883.833	-
Các nhà cung cấp khác	1.445.911.741	688.974.341
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.507.011.500	-
Cộng	17.785.807.074	688.974.341

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/09/2017 VND		Tại ngày 01/10/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.301.979.784	-	1.446.607.783	4.388.400

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2017 VND			Tại ngày 01/10/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.063	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư Và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	274.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	495.742.680	-	> 3 năm	590.370.680	4.388.400	> 3 năm
Cộng	1.301.979.784	-		1.446.607.783	4.388.400	

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2017 VND		Tại ngày 01/10/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.841.307.289	-	37.461.198.915	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.604.611.739	-	1.013.575.263	-
Thành phẩm	32.957.637.820	-	38.569.546.539	-
Hàng hóa	6.157.223.429	-	3.592.350.404	-
Cộng	68.560.780.277	-	80.636.671.121	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 54.198.234.060 VND – Xem thêm mục 4.11.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nhà xưởng thuộc dự án mở rộng nhà xưởng tại Long An.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng.

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2016	775.086.961	41.006.909.131	2.803.369.178	473.326.202	45.058.691.472
Mua trong năm	-	4.595.002.814	1.241.181.818	-	5.836.184.632
Mua lại tài sản tài thuế tài chính	-	5.220.995.661	-	-	5.220.995.661
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.085.864.934)	-	-	(1.085.864.934)
Tại ngày 30/09/2017	775.086.961	49.737.042.672	4.044.550.996	473.326.202	55.030.006.831
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2016	196.169.384	22.388.196.915	806.828.727	407.141.247	23.798.336.273
Khấu hao trong năm	106.537.272	6.285.881.413	548.241.056	26.061.436	6.966.721.177
Khấu hao tài sản thuế tài chính	-	2.079.175.300	-	-	2.079.175.300
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.085.864.934)	-	-	(1.085.864.934)
Tại ngày 30/09/2017	302.706.656	29.667.388.694	1.355.069.783	433.202.683	31.758.367.816
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2016	578.917.577	18.618.712.216	1.996.540.451	66.184.955	21.260.355.199
Tại ngày 30/09/2017	472.380.305	20.069.653.978	2.689.481.213	40.123.519	23.271.639.015

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 4.661.541.890 VND – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.926.639.927 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/10/2016 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	633.216.590	608.991.572
Chi phí thuê nhà	312.500.000	312.500.000
Các khoản khác	1.292.427.862	987.431.347
Cộng	2.238.144.452	1.908.922.919
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	242.351.747	576.104.041
Các khoản khác	180.401.935	445.025.103
Cộng	422.753.682	1.021.129.144

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2017 VND		Tại ngày 01/10/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	18.074.253.847	18.074.253.847	15.218.434.754	15.218.434.754
Công ty TNHH Posco Việt Nam Holdings - CN Đồng Nai	10.363.381.959	10.363.381.959	-	-
Công ty TNHH TM Thép Không Gỉ Bửu Thăng	5.279.377.661	5.279.377.661	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	6.110.626.450	6.110.626.450	21.639.992.018	21.639.992.018
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	-	167.255.609	167.255.609
Cộng	39.827.639.917	39.827.639.917	37.025.682.381	37.025.682.381

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/09/2017		Trong năm		Tại ngày 01/10/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	10.792.491.052	-	-	6.399.918.198	4.392.572.854	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	-	-	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.733.648.183	1.979.835.480	3.190.605.690	-	2.944.418.393
Thuế thu nhập cá nhân	-	199.904.160	387.292.927	265.216.545	-	77.827.778
Các loại thuế khác	590.926.700	-	1.859.141.324	1.859.141.324	590.926.700	-
Cộng	11.383.417.752	1.937.221.523	4.226.269.731	11.714.881.757	4.983.499.554	3.025.915.351

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2017		Trong năm		Tại ngày 01/10/2016	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngắn hạn	62.890.028.674	62.890.028.674	310.802.108.239	308.275.218.063	60.363.138.498	60.363.138.498
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.225.551.996	1.225.551.996	-	3.192.000	1.228.743.996	1.228.743.996
Cộng	64.115.580.670	64.115.580.670	310.802.108.239	308.278.410.063	61.591.882.494	61.591.882.494
Dài hạn:						
Vay dài hạn	9.417.914.678	9.417.914.678	10.007.100.000	1.556.487.996	967.302.674	967.302.674
Cộng	9.417.914.678	9.417.914.678	10.007.100.000	1.556.487.996	967.302.674	967.302.674
Tổng cộng	73.533.495.348	73.533.495.348	320.809.208.239	309.834.898.059	62.559.185.168	62.559.185.168

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (binh quân 9,5%/năm) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng tồn kho của Công ty. – Xem thêm mục 4.5.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn 3 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 10%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ vốn vay. – Xem thêm mục 4.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/10/2015	45.131.170.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	809.367.187	5.418.001.428	51.482.744.435
Tăng vốn trong năm trước	4.370.540.000	-	-	-	-	(4.370.540.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.047.922.782	6.047.922.782
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	547.191.428	(547.191.428)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 01/10/2016	49.501.710.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.048.192.782	57.030.667.217
Tăng vốn trong năm nay (*)	4.807.520.000	-	-	-	-	(4.807.520.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	6.292.021.854	6.292.021.854
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ năm trước	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Tam trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay	-	-	-	-	-	(89.525.022)	(89.525.022)
Tại ngày 30/09/2017	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.743.169.613	62.533.164.048

(*) Công ty tăng vốn trong năm nay từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (10%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24032017/NQ-ĐHĐCĐ/MHL ngày 24 tháng 3 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/10/2016 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.784.592.854	15.298.800.000
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	2.476.415.339	2.257.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35.048.221.807	31.945.710.000
Cộng	54.309.230.000	49.501.710.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/10/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	4.950.171
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	4.950.171
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	4.807.871

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	6.292.021.854	6.047.922.782
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	5.592.021.854	5.347.922.782
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.288.623	5.288.623
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.057	1.011

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Tại ngày 30/09/2017</u>	<u>Tại ngày 01/10/2016</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	192.764,70	286.988,63

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	64.130.468.826	55.028.406.662
Doanh thu bán thành phẩm	402.612.714.663	398.746.704.081
Doanh thu hoạt động khác	660.000.000	660.000.000
Cộng	<u>467.403.183.489</u>	<u>454.435.110.743</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	64.600.429.047	55.665.103.026
Giá vốn của thành phẩm đã bán	360.553.891.525	352.595.824.762
Giá vốn hoạt động khác	750.000.000	669.658.065
Cộng	<u>425.904.320.572</u>	<u>408.930.585.853</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.003.583	9.497.027
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.130.643.141	1.118.508.536
Doanh thu hoạt động tài chính khác	90.081.958	128.870.713
Cộng	<u>1.229.728.682</u>	<u>1.256.876.276</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.301.342.122	6.210.106.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá	996.073.348	1.040.174.239
Cộng	6.297.415.470	7.250.280.438

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.276.565.402	4.924.538.148
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.157.557.399	1.073.475.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.554.916	142.443.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.956.003.718	9.583.216.531
Các khoản chi phí khác	972.751.905	3.321.740.251
Cộng	17.499.433.340	19.045.414.636

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.547.833.441	3.809.683.015
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.571.375.193	1.145.271.079
Chi phí dự phòng	(140.239.599)	407.926.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.996.692	401.022.946
Thuế phí, lệ phí	80.000.000	75.650.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.230.308.108	2.455.596.468
Chi phí bằng tiền khác	941.443.741	2.026.872.317
Cộng	10.783.717.576	10.322.022.210

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388.378.149.948	363.416.690.344
Chi phí nhân công	36.050.408.656	34.659.399.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.016.510.557	6.901.238.040
Chi phí dự phòng	(140.239.599)	407.926.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.652.946.453	18.059.152.780
Chi phí khác bằng tiền	2.208.823.266	11.051.833.593
Cộng	449.166.599.281	434.496.240.299

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.271.857.334	9.001.398.567
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.767.559.666	5.625.891.383
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(140.239.599)	(220.091.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.899.177.401	14.407.198.950
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	3.601.799.738
Thu nhập chịu thuế suất 20%	9.895.177.401	10.805.399.213
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.979.835.480	2.953.475.785

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ, các khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	320.809.208.239	306.289.817.740

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(309.834.898.059)	(318.439.975.775)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	263.507	232.617	203.863	220.473	467.370	453.090
Cộng	263.507	232.617	203.863	220.473	467.370	453.090
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	5.577	12.659	35.889	31.500	41.466	44.159
Thu nhập tài chính					1.230	1.257
Chi phí tài chính					6.297	7.250
Lợi nhuận trước thuế					8.272	9.001
Thuế TNDN					1.980	2.953
Lợi nhuận sau thuế					6.292	6.048

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2017 Triệu đồng	01/10 2016 Triệu đồng	30/09 2017 Triệu đồng	01/10 2016 Triệu đồng	30/09 2017 Triệu đồng	01/10 2016 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	31.362	25.429	11.614	13.936	42.976 136.186	39.365 122.252
Tổng tài sản					179.162	161.617

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2017 Triệu đồng	01/10 2016 Triệu đồng	30/09 2017 Triệu đồng	01/10 2016 Triệu đồng	30/09 2017 Triệu đồng	01/10 2016 Triệu đồng
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	38.064	34.455	1.764	2.570	39.828 76.801	37.025 67.562
Tổng nợ phải trả					116.629	104.587

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm Nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	11.381	3.325	-	-	11.381	3.325
Chi phí khấu hao	7.017	6.901	-	-	7.017	6.901

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
2. HĐQT và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/09/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/10/2016 VND</u>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phải thu của khách hàng – Xem thêm mục 4.2	-	600.000.000
Phải trả người bán – Xem thêm mục 4.9	-	(167.255.609)
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.3	1.507.011.500	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí gia công	466.741.890	916.459.862
Phí thuê kho	9.098.799.659	7.541.541.124
Bán hàng	-	9.350.544.224
Mua hàng	3.911.823	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	360.000.000	360.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	944.953.000	970.492.000
Cộng	<u>1.304.953.000</u>	<u>1.330.492.000</u>

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	168.000.000	168.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.011	1.133

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trong năm nay Công ty có khoản trả cổ tức bằng cổ phiếu và có sự khác biệt giữa số ước tính và số thực tế trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street,
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

